TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 568/2019/DS-ST
Ngày: 29/11/2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Nhã.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kính.

2. Bà Nguyễn Thị Năm.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hứa Hồng Đào – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Nhàn – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2019/TLST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 257/2019/QĐXXST - DS ngày 28 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 181/2019/QĐST – DS ngày 13/11/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng T

Địa chỉ trụ sở: Lầu 8, 266-268 Đường K, Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc M; Địa chỉ: Lầu 8, 266-268 Đường K, Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền - Văn bản ủy quyền ngày 16/10/2019.

2. Bị đơn: Ông Liêu P

Địa chỉ: 31/7 Đường C, Phường L, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nguyên đơn Ngân hàng T (viết tắt là Ngân hàng) có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Ngọc M trình bày:

Ngày 23/06/2014, ông P có ký với Ngân hàng T (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu

này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 18.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Cụ thể như sau:

Loại thẻ	Số thẻ	Hạn mức	Ngày ký hợp đồng	Lãi suất áp dụng
JCB	356480 - 4003	18,000,000	23/06/2014	2.5 %
Family	970403 - 1333		23/06/2014	2.5 %

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông P đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 24.184.788 đồng (gồm thẻ 356480 – 4003 là 7.834.788 đồng, thẻ 970403 – 1333 là 16.350.000 đồng)

Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 22 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ông P phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông P đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 16.350.000 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Cụ thể là: thẻ 356480 – 4003 là 5.700.000 đồng, thẻ 970403 - 1333 là 10.650.000 đồng. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

+ Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước

+ Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước

+ Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước

+Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ

+ Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ

+ Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông P vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông P vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 06/07/2016 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 16.133.965 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Do ông P vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên Ngân hàng yêu cầu ông P trả số tiền còn thiếu tính đến ngày 29/11/2019 là 41.181.379 đồng. Cụ thể là:

Loại thẻ	Số thẻ	Nợ gốc	Lãi quá hạn	Lãi suất ápdụng
JCB	356480 - 4003	5.224.335 đồng	8.110.260 đồng	3.75% (2.5%*150%)
Family	970403 - 1333	10.909.630 đồng	16.937.154 đồng	3.75% (2.5%*150%)
	Tổng	16.133.965 đồng	25.047.414 đồng	

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông P, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên ông P vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng T yêu cầu giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn ông Liêu P:

Buộc ông Liêu P phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 29/11/2019 là 41.181.379 đồng (Bốn mươi mốt triệu một trăm tám mươi mốt ngàn ba trăm bảy mươi chín đồng) trong đó:

- Nợ gốc : 16.133.965 đồng
- Lãi quá hạn : 25.047.414 đồng

Và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 30/11/2019 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Đối với bị đơn ông Liêu P: Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án và đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông P đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng ông P không đến, do đó không có lời khai của đương sự tại tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, riêng thời hạn xét xử cần tuân thủ theo qui định pháp luật; nguyên đơn chấp hành tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự; bị đơn chấp hành chưa tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự. Về phần nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn khởi kiện của Ngân hàng T thì đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng; do bị đơn cư trú tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, nên theo qui định tại các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Xét đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc M có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và bị đơn ông Liêu P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Xét Ngân hàng T với ông Liêu P có ký kết Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) ngày 23/6/2014, với các điều khoản cơ bản theo như phía nguyên đơn trình bày cùng Hợp đồng đã giao nộp cho Tòa án và phía bị đơn. Tính đến ngày 29/11/2019 ông P còn phải trả số tiền 41.181.379 đồng cho hợp đồng nói trên có đính kèm theo bảng chiết tính trả tiền vốn và lãi của ông P. Tòa án đã thông báo việc thụ lý vụ án đến bị đơn và đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến Tòa làm việc nhưng đương sự không có ý kiến phản hồi nên căn cứ vào khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[4] Xét Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) ngày 23/6/2014, với các điều khoản cơ bản theo như phía nguyên đơn trình bày là phù hợp với quy định quy định tại Điều 90, Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Trong quá trình thực hiện ông P đã vi phạm thỏa thuận tại các điều khoản mà hai bên đã giao kết, vi phạm Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005. Vì vậy, Hội đồng xét xử buộc ông P phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền trên cho phía Ngân hàng.

[5] Xét về án phí dân sự sơ thẩm: Ông P phải chịu trên tổng số tiền thanh toán cho Ngân hàng; Ngân hàng không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 90, Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, Điều 8 và Điều 10 Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Buộc ông Liêu P phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng T số tiền 41.181.379 đồng (Bốn mươi mốt triệu một trăm tám mươi mốt ngàn ba trăm bảy mươi chín đồng) trong đó bao gồm: số tiền nợ gốc là 16.133.965 đồng (Mười sáu triêu một trăm ba mươi ba nghìn chín trăm sáu mươi lăm đồng), tiền lãi tạm tính đến ngày 29/11/2019 là 25.047.414 đồng (Hai mươi lăm triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn bốn trăm mười bốn đồng) theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) ngày 23/6/2014.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Liêu P phải chịu là 2.059.068 đồng (Hai triệu không trăm năm mươi chín nghìn không trăm sáu mươi tám đồng).

Trả lại cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 792.000 đồng (Bảy trăm chín mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0018848 ngày 25/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8.

3. Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tuấn Nhã